UBND QUẬN KIẾN AN
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC, XDXHHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:14 /KH-BCĐ

Kiến An, ngày 02 *tháng* 02*năm 2023*

KẾ HOẠCH
Đánh giá hoạt động "Cộng đồng học tập" năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030"; Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập" cấp xã; Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc đánh giá, xếp loại "Đơn vị học tập"; Công văn số 1919/UBND-VX ngày 03/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã; Công văn số 6797/UBND-VX ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại Đơn vị học tập.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập quận *(gọi tắt là Ban Chỉ đạo quận)* xây dựng kế hoạch đánh giá hoạt động "Cộng đồng học tập" năm 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU

- Xây dựng xã hội học tập dựa trên nền tảng phát triển đồng thời gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên; đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời ở ngoài nhà trường; ưu tiên các đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ, người bị thiệt thòi.

- Khuyến khích mọi cá nhân có trách nhiệm học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để làm người công dân tốt; có nghề, lao động với hiệu quả ngày càng cao; học cho bản thân và những người xung quanh hạnh phúc; học để góp phần phát triển quê hương, đất nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng thông qua việc xây dựng và triển khai các mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập" và "Đơn vị học tập", góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Động viên, khuyến khích phong trào xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã; tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt

đời. Giúp các phường tự đánh giá để lập kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng "Cộng đồng học tập" phù hợp với thực tế của địa phương.

II. NỘI DUNG

1. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ / số lượng	**Bản chính**	**Bản sao**	**Bản Phô tô**
Hồ sơ của UBND phường đề nghị UBND quận kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"			
1.Tờ trình của UBND phường.	x		
2. Báo cáo *(kèm theo các minh chứng phù hợp với các tiêu chí)* đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của phường, có xác nhận của Chủ tịch UBND phường	x		
3. Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của phường	x		
Hồ sơ của Ban Chỉ đạo quận trình Chủ tịch UBND quận quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của phường			
1. Tờ trình của Hội khuyến học quận	x		
2. Biên bản kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	x		
Số lượng hồ sơ: 01 bộ			

2. Thời hạn nộp hồ sơ

Ủy ban nhân dân các phường chỉ đạo Ban Chỉ đạo phường hoàn thiện hồ sơ và các minh chứng kèm theo của "Cộng đồng học tập" gửi về Ban Chỉ đạo quận *(qua Phòng Giáo dục và Đào tạo)* để tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại *(theo phụ lục kèm theo)* từ ngày 01 đến ngày 03 tháng 11 năm 2023.

3. Nội dung đánh giá "Cộng đồng học tập" *(theo phụ lục đính kèm)*

4. Đánh giá, xếp loại: Việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" các phường phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được quy định. Mỗi tiêu chí có các nội dung cần đánh giá theo các mức độ đạt được và được hướng dẫn cách cho điểm cụ thể tại Phụ lục

Hướng dẫn đánh giá, cho điểm "Cộng đồng học tập" cấp xã kèm theo Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT.

Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

+ Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85-100, không có tiêu chí bị điểm 0

+ Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70-84, không có tiêu chí bị điểm 0

+ Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50-69, không có tiêu chí bị điểm 0

+ Loại chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận

- Là cơ quan thường trực chủ trì phối hợp với Hội Khuyến học quận tham mưu UBND quận các giải pháp phát huy hiệu quả hoạt động của "Cộng đồng học tập" 10 phường, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động của "Cộng đồng học tập" 10 phường để trao đổi, nắm tình hình và triển khai các yêu cầu, nhiệm vụ. Hướng dẫn nội dung báo cáo định kỳ để các phường thực hiện thống nhất; tổng hợp báo cáo tình hình kết quả hoạt động với UBND quận theo định kỳ.

- Phối hợp với Hội Khuyến học quận xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá và xếp loại "Cộng đồng học tập" các phường theo quy định.

2. Hội Khuyến học quận

Hội Khuyến học phối hợp với các cơ sở giáo dục, cá nhân, tổ chức, đoàn thể xã hội vận động nhân dân tham gia học tập, hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập; chỉ đạo làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập" và "Đơn vị học tập" tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân 10 phường

Triển khai tốt các hoạt động "Cộng đồng học tập" tại địa phương; thực hiện việc tự đánh giá theo quy định và hoàn thiện gửi hồ sơ đề nghị UBND quận kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" **từ ngày 01 đến 03 tháng 11 năm 2023** *(qua Phòng Giáo dục và Đào tạo).*

Ban Chỉ đạo quận giao Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học quận, Ủy ban nhân dân 10 phường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc; trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo, phản ánh về UBND quận *(qua Phòng Giáo dục và Đào tạo)* để có hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT HP;
- CT,PCT UBND quận;
- Thành viên BCĐ PCGD,XMC, XDXHHT quận;
- UBND 10 phường;
- Hiệu trưởng các trường MN, TH,THCS;
- Lưu: VT, PGDĐT.

TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Phong Doanh

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM "CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP" CẤP XÃ
(Kèm Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014)

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã *(8 điểm)*			
1.1. Cấp uỷ Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chỉ thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (XD XHHT)	2		- Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp xã - Quyết định thành lập hoặc kiện toàn ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trưởng ban chỉ đạo
1.2. Nhiệm vụ xây dựng"Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của HĐND, UBND	2		- Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND trình HĐND qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên
1.3. Hằng năm có dành kinh phí từ ngân sách của xã để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn *(ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)*	2		- Báo cáo tài chính của cấp xã *(phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn)* - Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"
1.4. Cấp uỷ Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT.	2		Biên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý.
2. Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã (8 điểm)			
2.1. Ban chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế	2		Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHT.

của địa phương.			
2.2. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời.	2		- Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm của ban chỉ đạo. - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT.
2.3. Các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công cụ thể và hoạt động thường xuyên và hiệu quả.	2		Văn bản phân công công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành viên ban chỉ đạo XD XHHT của trưởng ban chỉ đạo XD XHHT cấp xã.
2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHT, XD "Cộng đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu quả.	2		- Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân. - Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thống kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân. - Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của cấp xã.
3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)			
3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, trong đó Hội Khuyến học giữ vai trò nòng cốt.	2		Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công công việc của ban chỉ đạo.
3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSĐ) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành,	2		Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHT và kết quả thực hiện kế hoạch.

đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp.			
3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch.	2		Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND cấp xã.
3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp.	2		Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp.
4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm)			
4.1. Có đủ các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.	2		Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập thì cho 1 điểm.
4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	2		Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm.
4.3. Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	2		Căn cứ vào Điều lệ trường tiểu học, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thì cho 1 điểm.
4.4. Có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	2		Quyết định công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

			mức độ 1 thì cho 1 điểm.
4.5. Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở.	2		Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học thì cho 1 điểm.
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	2		Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP.
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt.	3		Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của chủ tịch UBND huyện *(được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương).* Nếu xếp loại khá thì cho 2 điểm, xếp loại trung bình cho 1 điểm.
5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ *(14 điểm)*			
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên.	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp.
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên.	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp.
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND quận.
5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 của UBND quận. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 thì cho 1 điểm.
5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của UBND quận. Nếu đạt chuẩn phổ cập

			giáo dục THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND quận. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm.
6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)			
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp *(trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)*	2		Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường *(hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)*
6.2. Tích cực huy động trẻ em khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập.	2		Danh sách trẻ khuyết tật ở địa phương và danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm *(căn cứ số điều tra với sổ phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS.*
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật tham gia học tập.	2		Các hình thức tổ chức cụ thể.
7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)			
7.1. Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên *(vùng khó khăn: 85% trở lên).*	2		Danh sách cán bộ của cấp xã có ghi chức vụ *(hoặc vị trí công tác),* trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học...đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá.
7.2. Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% *(vùng khó khăn: 90% trở lên).*	2		Danh sách cán bộ của cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc.
7.3. Tỷ lệ công chức cấp xã thực	2		Danh sách công chức cấp xã được

hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên *(vùng khó khăn: 75% trở lên).*			bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất *(chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...).*
8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên.	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở; sổ đầu bài. Nếu tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt từ 60-69% cho 3 điểm; đạt từ 50-59% cho 2 điểm; dưới 50% cho 1 điểm.
9. Kết quả xây dựng "Gia đình hiếu học", "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương" (7 điểm)			
9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình hiếu học" đạt 70% trở lên *(vùng khó khăn: 60% trở lên).*	3		Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận "Gia đình hiếu học". Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình hiếu học" đạt từ 60-69% *(vùng khó khăn: 50-59%)* cho 2 điểm; đạt từ 50-59% *(vùng khó khăn: 40-49%)* cho 1 điểm.
9.2. Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập" đạt 60% trở lên *(vùng khó khăn: 50% trở lên).*	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp xã công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập" đạt từ 50-59% *(vùng khó khăn: 40-49%)* cho 3 điểm; đạt từ 40-49% (vùng khó khăn: 30-39%) cho 2 điểm; đạt dưới 40% *(vùng khó khăn: 30%) cho 1 điểm.*

10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm)			
Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt 80% trở lên *(vùng khó khăn: 70% trở lên)*.	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt từ 70-79% *(vùng khó khăn: 60-69%)* cho 3 điểm; đạt từ 60-69% *(vùng khó khăn: 50-59%)* cho 2 điểm; đạt dưới 70% *(vùng khó khăn: 50%)* cho 1 điểm.
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm)			
Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm.	3		Báo cáo kinh tế - xã hội của UBND phường trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo *(Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011- 2015)*. Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm).
12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)			
12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý.	1		- Danh sách lãnh đạo UBND cấp xã - Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND cấp xã.
12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức.	1		Báo cáo của hội phụ nữ cấp xã.
12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái.	2		Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học.
12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng	2		Thống kê, báo cáo của TTHTCĐ cấp

giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng.			xã *(danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCĐ).*
13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)			
13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn phường đảm bảo xanh-sạch-đẹp.	1		- Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND phường, khuôn viên các nhà trường, … luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm. - Mọi người được giáo dục cách sống khoẻ mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý.
13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. (Vùng khó khăn: 75% trở lên).	1		Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.
13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	1		Trong mỗi thôn *(ấp, bản, tổ dân phố)* đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom rác thải về nơi quy định để xử lý.
13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường.	1		Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.
14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)			
14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo.	1		Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm.
14.2. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả.	1		Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả.
14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống.	1		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.

14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1		Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (*do trạm y tế xã cung cấp)*.
15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)			
15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp.	1		Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã.
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội *(đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, ...).*	2		Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND cấp xã.
Cộng	**100**		